

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) Phòng thi: P.Chờ E204
Môn thi: Kỹ năng nói Ca thi: 8h00 Ngày thi: 17/05/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0145	Đinh Thi Hồng	Ngọc	21/11/2000			
2	TA0146	Hoàng Văn	Ngọc	29/1/1999			
3	TA0147	Phạm Thị	Ngọc	10/9/2000			
4	TA0148	Đào Hữu Khôi	Nguyên	6/12/2000			
5	TA0149	Phạm Nguyễn	Nguyên	24/3/1998			
6	TA0150	Nguyễn Thị	Nhung	9/5/2000			
7	TA0151	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	29/8/2000			
8	TA0152	Phạm Hồng	Nhung	22/7/2000			
9	TA0153	Hồ Thị	Oanh	15/3/2000			
10	TA0154	Đoàn Đức	Phong	30/1/1999			
11	TA0155	Phạm Trung	Phong	1/3/1999			
12	TA0156	Trần Xuân	Phong	8/7/2000			
13	TA0157	Đỗ Hoàng	Phương	19/11/1982			
14	TA0158	Mạc Đình	Phương	6/2/1999			
15	TA0159	Nguyễn Thị	Phương	23/11/2000			
16	TA0160	Nguyễn Thị	Phương	12/5/1999			
17	TA0161	Nguyễn Thị	Phương	11/7/2000			
18	TA0162	Vũ Thị Bích	Phương	10/11/1999			
19	TA0163	Vũ Thị Minh	Phương	6/4/2001			
20	TA0164	Nguyen Nhu	Quỳnh	15/8/2001			
21	TA0165	Nguyễn Thị	Quỳnh	24/9/2000			
22	TA0166	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	29/6/2000			
23	TA0167	Phan Như	Quỳnh	25/6/2000			
24	TA0168	Phan Như	Quỳnh	25/06/2000			

25	TA0169	Dương Văn	Sinh	27/11/1999			
26	TA0170	Nguyễn Trường	Son	4/6/1999			
27	TA0171	Trần Thế	Son	18/11/1999			
28	TA0172	Đỗ Văn	Sỹ	19/3/2000			
29	TA0173	Nguyễn Thị Anh	Tâm	1/11/2000			
30	TA0174	Giáp Mạnh	Thắng	16/12/1999			
31	TA0175	Khổng Đức	Thắng	31/3/1999			
32	TA0176	Lê Trọng	Thắng	5/4/2000			
33	TA0177	Nguyễn Đình	Thắng	26/04/1999			
34	TA0178	Phạm Quang	Thắng	18/1/2000			
35	TA0179	Phạm Thị	Thanh	22/8/1999			
36	TA0180	Trần Ngọc	Thanh	4/4/2000			
37	TA0181	Lê Đức	Thành	3/12/1985			
38	TA0182	Phạm Phương	Thảo	19/10/2000			
39	TA0183	Đỗ Xuân	Thế	17/1/1999			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)